



# **BÁO CÁO ANSA TRAINING 05/2023**

Nguyễn Trọng Tín - 20214111

# Quá trình training (Week 1)

01

## Day 1

- Command-line Interface
- Git
- C#
- ASP.NET

02

## Day 2

- HTTP Request
- HTTP Response
- JSON
- Web Server

03

## Day 3

- SQL
- Mô hình MVC



01

DAY 1



# 1. Command-Line Interface

Là phương tiện tương tác với chương trình máy tính nơi người dùng đưa ra lệnh cho chương trình dưới dạng các dòng lệnh liên tiếp.



The screenshot shows a Windows PowerShell window titled "Administrator: Windows PowerShell". The command entered is `Get-Service -ComputerName Jesusa5b1 | where-Object {$_.name -Like 'W*'} | Format-Table Status, Name, DisplayName`. The output is a table with three columns: Status, Name, and DisplayName. The table lists various Windows services and their current status.

Status	Name	DisplayName
Running	W32Time	Windows Time
Running	wassvc	Windows Assessment Services Service
Stopped	wcsPlugInService	Windows Color System
Stopped	WdiServiceHost	Diagnostic Service Host
Stopped	WdiSystemHost	Diagnostic System Host
Stopped	wecsvc	Windows Event Collector
Stopped	wercplsupport	Problem Reports and Solutions Contr...
Stopped	WerSvc	Windows Error Reporting Service
Stopped	WinHttpAutoProx...	WinHTTP Web Proxy Auto-Discovery Se...
Running	Winmgmt	Windows Management Instrumentation
Running	WinRM	Windows Remote Management (WS-Manag...
Stopped	wmiApSrv	WMI Performance Adapter
Stopped	WPDBusEnum	Portable Device Enumerator Service
Stopped	WSService	Windows Store Service (WSService)
Stopped	wuauclt	Windows Update
Stopped	wudfsvc	Windows Driver Foundation - User-mo...

*Windows PowerShell*

```
graph LR; A[Vì sao cần dùng CLI?] --- B[Không phải phần mềm nào cũng hỗ trợ GUI]; A --- C[CLI đơn giản hơn GUI]; A --- D[Không phải hệ điều hành nào cũng có GUI để dùng];
```

Vì sao cần dùng CLI?

Không phải phần mềm  
nào cũng hỗ trợ GUI

CLI đơn giản hơn GUI

Không phải hệ điều  
hành nào cũng có  
GUI để dùng

# Tại sao nên dùng CLI hơn GUI?



Tiết kiệm nhiều thời gian nếu thành thạo.



Hầu hết các tool cho developer đều là CLI.

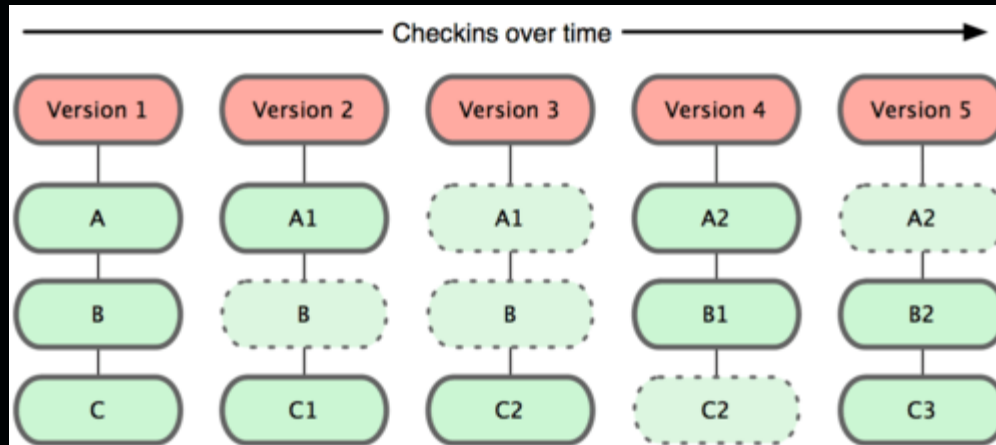


Developer có thể sẽ phải làm việc nhiều với các server Linux.

# Một số câu lệnh (PowerShell)

Mục đích	Command
Xem vị trí thư mục làm việc hiện tại	pwd
Đổi vị trí thư mục làm việc	cd {{đường dẫn}}
Tạo thư mục mới	mkdir {{tên thư mục mới }}
Xoá thư mục	rm -Recurse {{tên thư mục}}
Xoá file	rm {{tên file}}
Xem nội dung thư mục	ls
Xoá mọi nội dung trên màn hình	clear

## 2. GIT





# LỢI ÍCH



Dễ sử dụng, thao tác nhanh, gọn, lẹ và rất an toàn



Giúp quy trình làm việc code theo nhóm đơn giản hơn rất nhiều



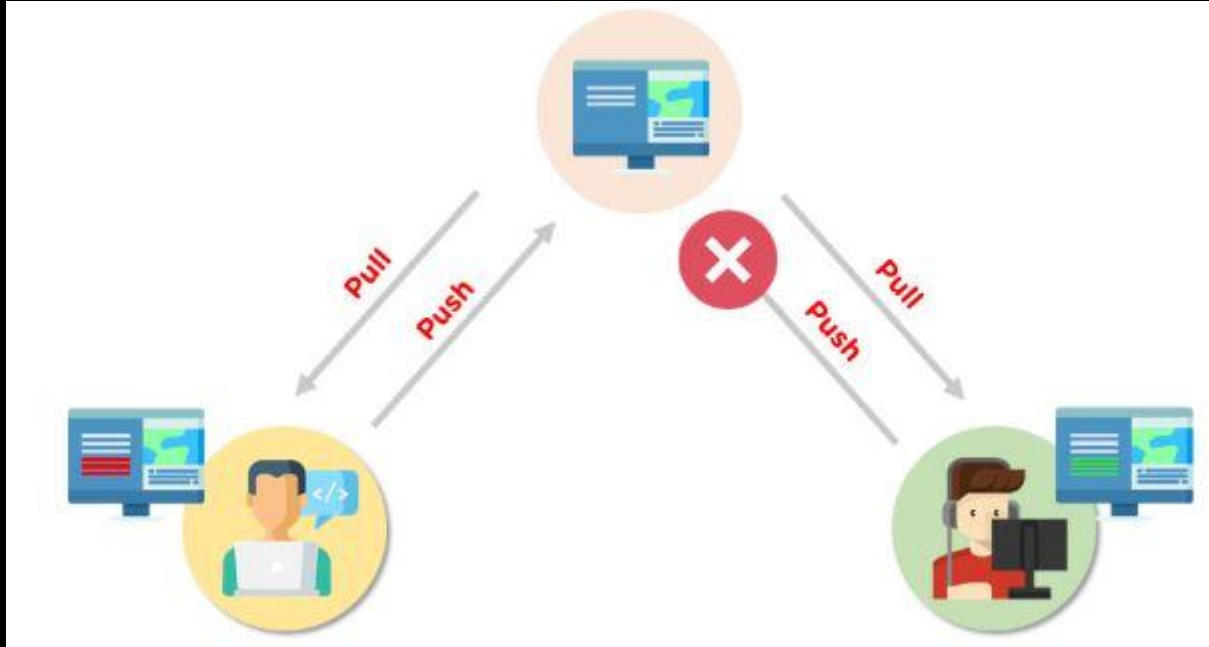
Có thể làm việc ở mọi lúc mọi nơi



Deployment sản phẩm một cách không thể nào dễ dàng hơn.

Mục đích	Command
Khởi tạo thư mục	git init
Copy code từ thư mục Git khác	git clone {{repository}} -o {{folder name}}
Thêm file cần commit	git add {{file}}
Loại bỏ file ra khỏi danh sách cần commit	git remove {{file}}
Reset danh sách cần commit	git reset
Commit	git commit -m {{context}}
Xem các remote	git remote
Thêm remote	git remote add {{remote name}} {{path}}
Xoá remote	git remote remove {{remote name}}
Đẩy code lên remote	git push {{remote name}} {{branch name}}
Xem các nhánh và nhánh hiện tại	git branch
Thêm nhánh	git branch {{branch name}}
Chuyển nhánh	git checkout {{branch name}}
Cập nhật nhánh với remote	git fetch {{remote name}} {{branch name}}
Cập nhật code từ nhánh khác vào nhánh hiện tại	git rebase {{branch name}}
Lấy code từ remote	git pull {{remote name}}

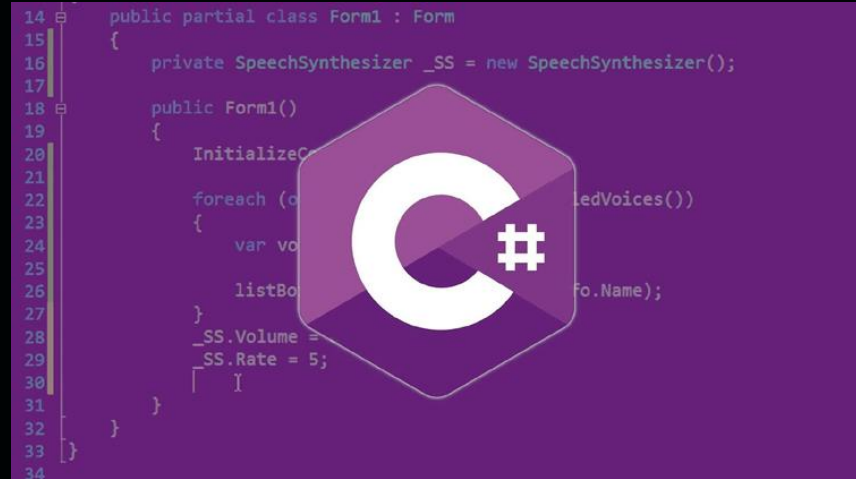
*Một số lệnh của Git*



*GIT Merge Conflict*

# 3. C#

C# là ngôn ngữ lập trình hiện đại, hướng đối tượng và được xây dựng trên nền tảng của hai ngôn ngữ mạnh nhất là C++ và Java



*Ngôn ngữ C#*

# Đặc trưng của C#

1. C# là ngôn ngữ đơn giản.
2. C# là ngôn ngữ hiện đại
3. C# là một ngôn ngữ lập trình thuần hướng đối tượng.
4. C# là một ngôn ngữ ít từ khóa.

Program.cs x

```
1  using System;
2
3  namespace DotnetBot {
4
5      public static class Program {
6
7          public static void Main(string[] args) {
8
9              string message = "";
10             if (args.Length < 1) {
11                 message = "Welcome to .NET Core!";
12             }
13             else {
14                 foreach (string item in args) {
15                     message += item;
16                 }
17             }
```

## 4. ASP.NET

ASP.Net là một nền tảng dành cho phát triển web, được Microsoft phát hành và cung cấp lần đầu tiên vào năm 2002. Nền tảng được sử dụng để tạo ra các ứng dụng web-based.



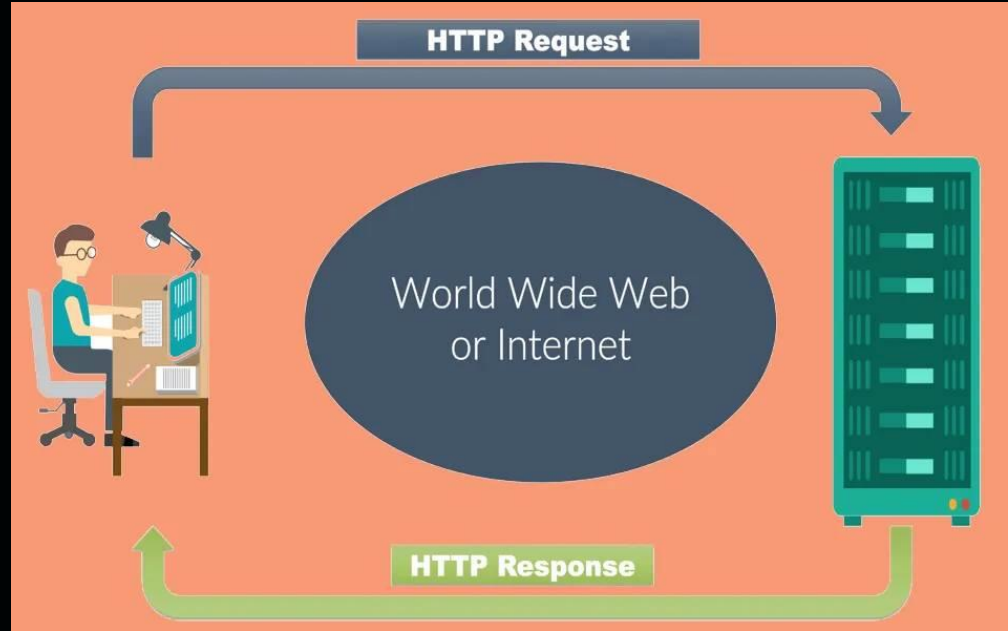


02

DAY 2

# 1. HTTP Request

HTTP request là thông tin được gửi từ client lên server, để yêu cầu server tìm hoặc xử lý một số thông tin, dữ liệu mà client muốn. HTTP request có thể là một file text dưới dạng XML hoặc Json mà cả hai đều có thể hiểu được.











# Các phương thức của HTTP Request



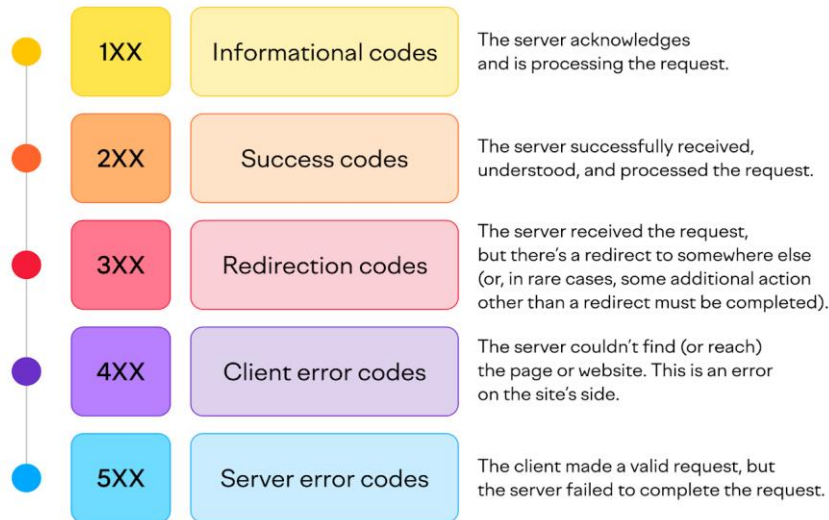
## HTTP Request Methods

 GET	 POST	 PUT	 DELETE	 PATCH	 HEAD
retrieve data from server	add data to an existing file or resource	update(replace) an existing file or resource in server	delete data from server	update a resource partially (modify)	retrieve the resource's headers

- **CONNECT** is used to open a two-way socket connection to the remote server;
- **OPTIONS** is used to describe the communication options for specified resource;
- **TRACE** is designed for diagnostic purposes during the development.
- **HEAD** retrieves the resource's headers, without the resource itself.

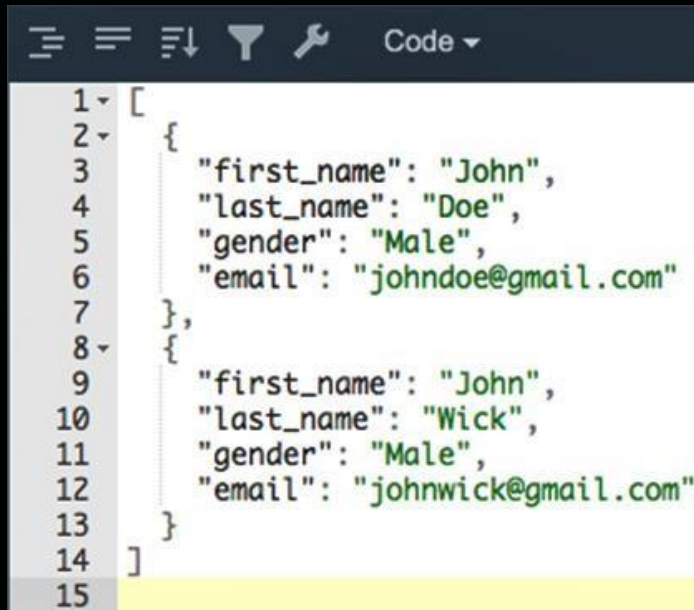
## 2. HTTP Response

HTTP Response là kết quả server trả về cho Client.



### 3. JSON

JSON là viết tắt của JavaScript Object Notation, là một kiểu định dạng dữ liệu tuân theo một quy luật nhất định mà hầu hết các ngôn ngữ lập trình hiện nay đều có thể đọc được. JSON là một tiêu chuẩn mở để trao đổi dữ liệu trên web.

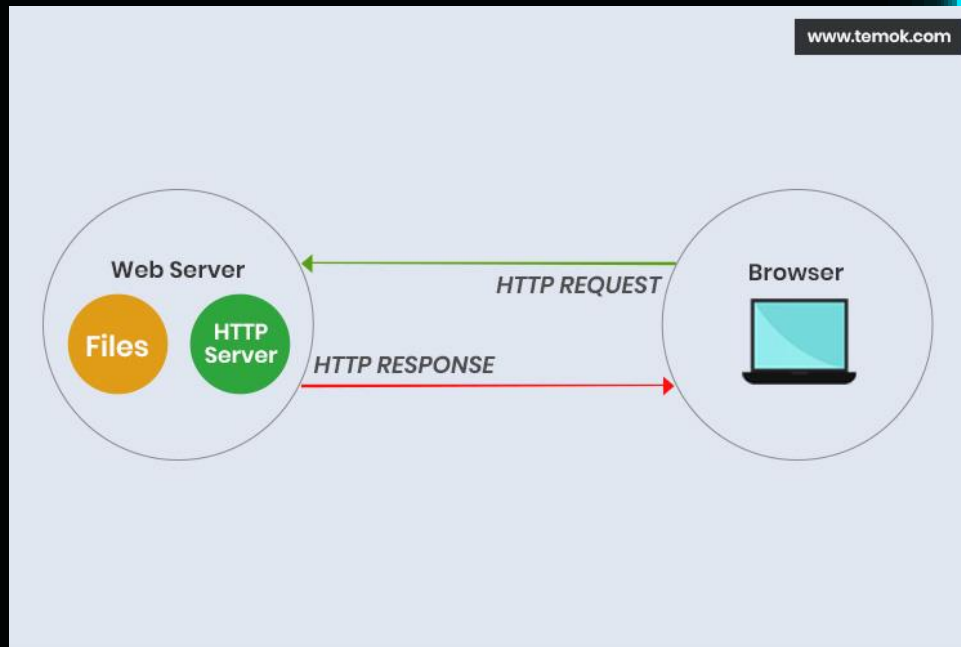


```
1 [
2   {
3     "first_name": "John",
4     "last_name": "Doe",
5     "gender": "Male",
6     "email": "johndoe@gmail.com"
7   },
8   {
9     "first_name": "John",
10    "last_name": "Wick",
11    "gender": "Male",
12    "email": "johnwick@gmail.com"
13  }
14 ]
15
```

The image shows a code editor window with a dark theme. The editor displays a JSON array containing two objects. The first object has properties: first\_name: "John", last\_name: "Doe", gender: "Male", and email: "johndoe@gmail.com". The second object has properties: first\_name: "John", last\_name: "Wick", gender: "Male", and email: "johnwick@gmail.com". The code is syntax-highlighted, with strings in green and JSON keywords in white. The editor has a toolbar at the top with icons for file operations and a 'Code' dropdown menu. Line numbers 1 through 15 are visible on the left side of the editor.

## 4. Web Server

Web server là máy chủ cài đặt các chương trình phục vụ các ứng dụng web. Web Server có khả năng tiếp nhận request từ các trình duyệt web và gửi phản hồi đến client thông qua giao thức HTTP hoặc các giao thức khác.





03

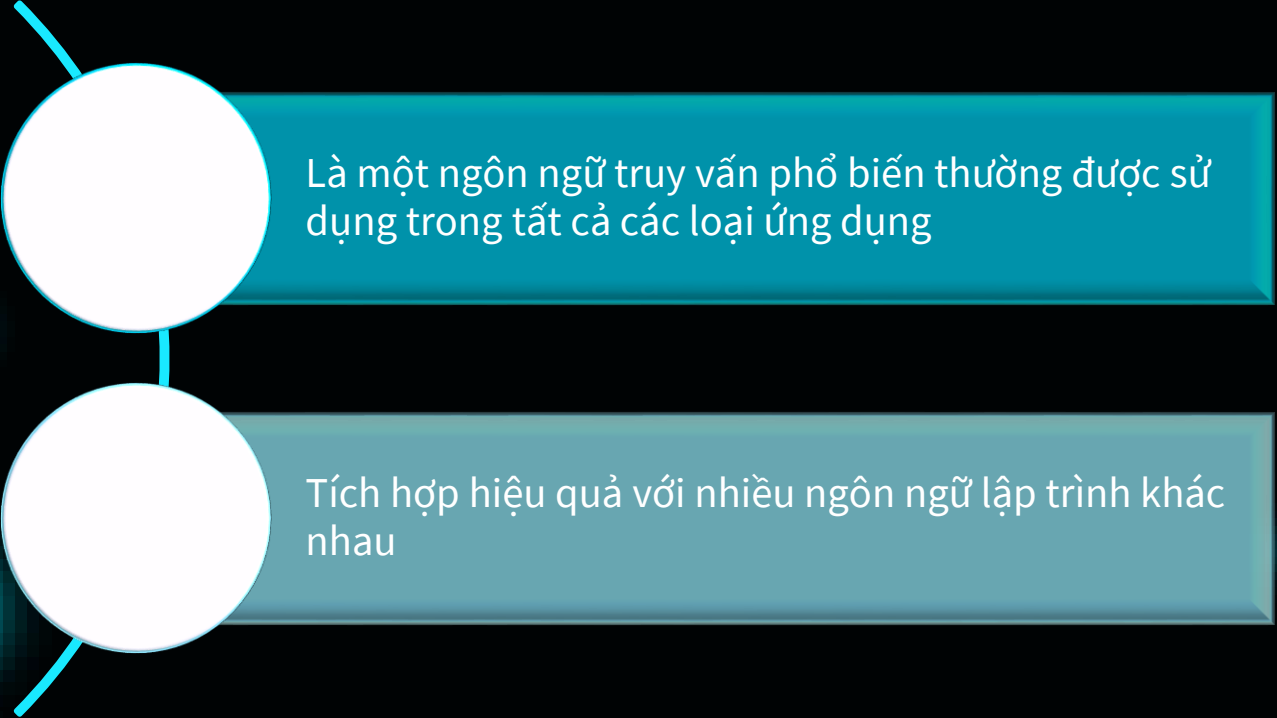
DAY 3

# 1. SQL

Ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc (SQL) là một ngôn ngữ lập trình phục vụ việc lưu trữ và xử lý thông tin trong cơ sở dữ liệu quan hệ.



# Vì sao SQL quan trọng?



Là một ngôn ngữ truy vấn phổ biến thường được sử dụng trong tất cả các loại ứng dụng

Tích hợp hiệu quả với nhiều ngôn ngữ lập trình khác nhau

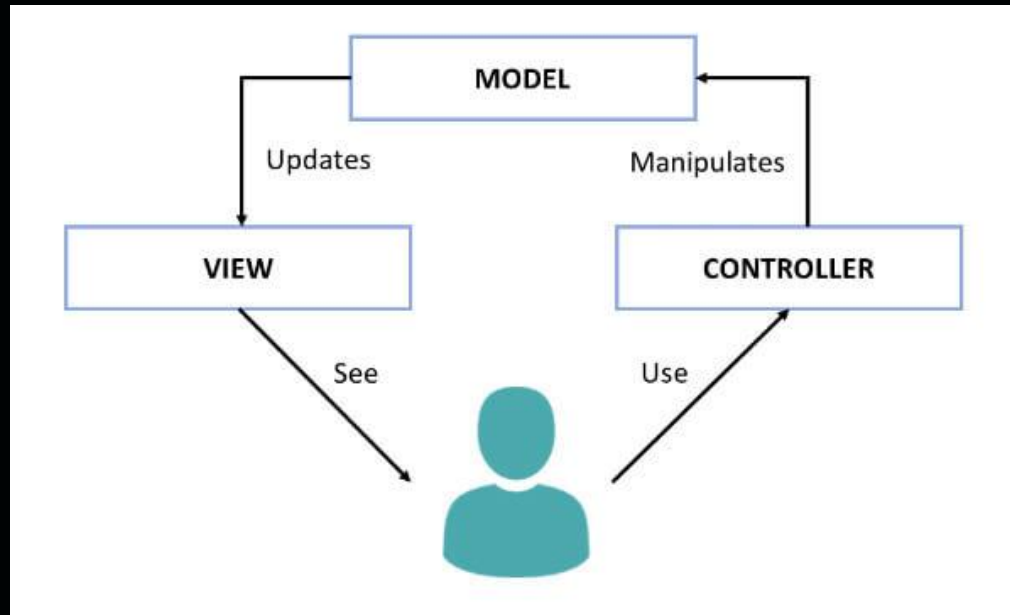
# Một số từ khoá của SQL

CREATE	ALTER	COLUMN	IN	DISTINCT
INSERT	ADD	NOT NULL	PRIMARY KEY	LIKE
SELECT	WHERE	UNIQUE	SERIAL	ILIKE
UPDATE	FROM	DEFAULT	JOIN	IS NULL
TRUNCATE	INTO	CHECK	INNER JOIN	IS NOT NULL
DROP	VALUES	CONSTRAINT	RIGHT JOIN	UNION
DELETE	SET	AND	LEFT JOIN	UNION ALL
ORDER	TABLE	OR	AS	VALUES



## 2. Mô hình MVC

MVC là một mẫu kiến trúc phần mềm để tạo lập giao diện người dùng trên máy tính. MVC chia thành ba phần được kết nối với nhau và mỗi thành phần đều có một nhiệm vụ riêng của nó độc lập với các thành phần khác.





**THANKS FOR  
WATCHING**

**-(\*)-**